

Soạn bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc - Ngữ văn lớp 11

Hướng dẫn trả lời câu hỏi soạn bài:

PHẦN MỘT: TÁC GIẢ

Câu 1. Những nét chính về cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu. Anh (chị) cảm nhận sâu sắc điều gì qua cuộc đời nhà thơ ?

Trả lời:

- Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888), người làng Tân Thới, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh). Ông xuất thân trong một gia đình nhà nho, cha người gốc Thừa Thiên - Huế.

- Năm 1843, Nguyễn Đình Chiểu đỗ tú tài tại trường thi Gia Định. Năm 1846, ông ra Huế học, chuẩn bị thi tiếp thì nhận được tin mẹ mất, ông phải bỏ thi về chịu tang mẹ. Đọc đường về, Nguyễn Đình Chiểu đau mắt nặng rồi bị mù.

- Về quê, không khuất phục trước số phận oan nghiệt, nhà thơ mở trường dạy học, bốc thuốc chữa bệnh cho dân rồi cùng các lãnh tụ nghĩa quân bàn mưu tính kế đánh giặc và sáng tác những văn thơ đánh giặc cháy bỏng căm hờn, sôi sục ý chí chiến đấu.

=> Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương giàu nghị lực, giàu lòng yêu nước và tinh thần bất khuất kiên cường trước kẻ thù xâm lược. Dù bị tàn tật, ông vẫn là một thầy giáo tận tâm, là một thầy thuốc giàu y đức và là một nhà thơ xuất sắc. Ở cương vị nào ông cũng làm việc và cống hiến hết mình.

Câu 2. Tìm hiểu giá trị thơ văn Nguyễn Đình Chiểu:

- Dựa vào những đoạn trích đã học về Truyện Lục Vân Tiên, hãy cho biết lí tưởng đạo đức của Nguyễn Đình Chiểu được xây dựng chủ yếu trên cơ sở tình cảm nào?

- Nội dung trữ tình yêu nước trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu? Tác động tích cực của những sáng tác thơ văn ấy đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đương thời?

- Theo anh (chị), sắc thái Nam Bộ độc đáo của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu biểu hiện ở những điểm nào?

Trả lời:

- Nguyễn Đình Chiểu là một nhà nho, bởi thế mà tư tưởng đạo đức, nhân nghĩa của ông mang tinh thần của Nho giáo. Mặc dù vậy, Nguyễn Đình Chiểu còn là một trí thức nhân dân, suốt đời sống nơi thôn xóm, giữa những người "dân ấp, dân lân" tâm hồn thuần hậu, chất phác nên tư tưởng đạo đức của ông có những nét mang phong cách rất dân dã của

Soạn bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc - Ngữ văn lớp 11

những người nông dân thuần phác. Nguyễn Đình Chiểu thấm nhuần tư tưởng nhân nghĩa là tình thương yêu con người, sẵn sàng cứu mang con người trong cơn hoạn nạn; nghĩa là những quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người trong xã hội, tình cha con, nghĩa chồng vợ, tình bạn bè, xóm giềng, tinh thần hiệp nghĩa sẵn sàng cứu khốn phò nguy,...

Những nhân vật lí tưởng trong Truyện Lục Vân Tiên hầu hết là đều là những người dân thường, sinh trưởng trong những nơi thôn ấp nghèo khó (những nho sinh như Vân Tiên, Tử Trục, Hớn Minh; những ông Ngư, ông Quán, ông Tiều, bà lão dệt vải,...). Tâm hồn của họ ngay thẳng, không màng danh lợi, không tham phú quý, sẵn sàng ra tay cứu giúp người hoạn nạn. Trước Nguyễn Đình Chiểu, nhân nghĩa vẫn được xem là phạm trù đạo đức lí tưởng, chỉ có ở bậc thánh nhân, những người quân tử thuộc tầng lớp trên. Đến Nguyễn Trãi, nhân nghĩa cũng đã hướng đến người dân. Ông kêu gọi nhà cầm quyền nhân nghĩa với dân, thời chiến thì lấy nhân nghĩa để thắng quân bạo ngược, thời bình thì đưa nhân nghĩa vào chính sự, khoan sức cho dân. Tuy nhiên, phải đến Nguyễn Đình Chiểu thì phạm trù nhân nghĩa mới thực sự mở rộng đến nhân dân. Điều đó giải thích tại sao nhân dân, đặc biệt là cư dân vùng đất mới Nam Kỳ, vốn rất xem trọng mối liên hệ gắn kết giữa con người với con người trên cơ sở chữ nghĩa truyền thống, tiếp nhận tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu nồng nhiệt đến thế.

- Nguyễn Đình Chiểu sáng tác thơ văn yêu nước ở thời kì đầu chống Pháp xâm lược để bảo vệ Tổ quốc. Đây là thời kì khổ nhục nhưng vĩ đại (Phạm Văn Đồng) của dân tộc. Đất nước mất dần vào tay giặc trước mắt nhà thơ. Các phong trào chống Pháp cũng lần lượt thất bại, người yêu nước thế hệ này nối tiếp thế hệ khác đã ngã xuống chiến trường. Nhưng "Súng giặc đất rền, lòng dân trời tỏ". Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu đã làm sáng tỏ chân lí đó. Ông khóc than cho Tổ quốc buổi đầu gặp thương đau:

Khóc là khóc nước nhà cơn bán loạn, hôm mai vắng chúa, thua buồn nhiều nỗi khúc nô;

Than là than bờ cõi lúc qua phân, ngày tháng trông vua, ngơ ngẩn một phường trẻ dại.

(Văn tế Trương Định)

Ông cầm uất chửi mắng vào mặt kẻ thù:

Tác đất ngọn rau ơn chúa, tài bồi cho nước nhà ta;

Bát cơm manh áo ở đời, mắc mớ chi ông cha nó.

(Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc)

Ông hết lòng ngợi ca những sĩ phu như Trương Định đã một lòng vì nước, vì dân:

Bởi lòng chúng chẳng nghe thiên tử chiếu, đón ngăn mấy dặm mã tiền;

Soạn bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc - Ngữ văn lớp 11

Theo bụng dân phải chịu tướng quân thù, gánh vác một vai khổ ngoại.

(Văn tế Trương Định)

Ông dựng bức tượng đài bất tử về những người dân ấp, dân lân: "*Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh*" (Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc). Ngay cả lúc bờ cõi đã "chia đất khác", Nguyễn Đình Chiểu vẫn nuôi giữ một niềm tin vào ngày mai: "*Một trận mưa nhuần rửa núi sông*" (Xúc cảnh), vẫn kiên trì một thái độ bất khuất trước kẻ thù: "*Sự đời thà khuất đôi trông thịt - Lòng đạo xin tròn một tấm gương*" (Ngư Tiều y thuật vấn đáp). Với những nội dung trên, có thể nói thơ văn yêu nước Nguyễn Đình Chiểu đã đáp ứng xuất sắc những yêu cầu của cuộc sống và chiến đấu đương thời. Nó có tác dụng động viên, khích lệ không nhỏ tinh thần và ý chí cứu nước của nhân dân ta.

- Sắc thái Nam Bộ độc đáo trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu thể hiện rõ ở từng nhân vật trong tác phẩm của ông. Mỗi người dân Nam Bộ có thể bắt gặp mình ở các nhân vật của ông từ lời ăn tiếng nói, ở sự mộc mạc, chất phác đến tấm lòng nặng tình, nặng nghĩa, yêu thương rất mực và căm ghét đến điều. Họ sống vô tư, phóng khoáng, ít bị ràng buộc bởi những phép tắc, lễ nghi và sẵn sàng xả thân vì nghĩa. Họ nóng nảy, bộc trực nhưng lại rất đằm thắm, ân tình. Đó là những nét rất riêng trong vẻ đẹp chung của con người Việt Nam.

Câu 3. Với những kiến thức đã học về Nguyễn Trãi và Nguyễn Đình Chiểu, anh (chị) cảm nhận được điều gì gần gũi về tư tưởng nhân nghĩa giữa hai nhà thơ này? Hãy trình bày ý kiến của mình.

Trả lời:

Như đã nói ở trên, Nguyễn Đình Chiểu và Nguyễn Trãi có những điều gần gũi về tư tưởng nhân nghĩa. Nguyễn Trãi cũng lấy cái nên tảng của nhân nghĩa là quyền lợi của nhân dân nhưng đến Nguyễn Đình Chiểu thì phạm trù nhân nghĩa mới thực sự mở rộng đến nhân dân, gần gũi thực sự với nhân dân. Đó thực sự là một bước tiến dài của tư tưởng.

Luyện tập

Câu hỏi: Căn cứ vào những kiến thức đã học về Nguyễn Đình Chiểu và các tác phẩm của ông, anh (chị) suy nghĩ như thế nào về nhận định của nhà thơ Xuân Diệu: "*Cái ưu ái đối với người lao động, sự kính mến họ là một đặc điểm của tâm hồn Đồ Chiểu*".

Gợi ý làm bài:

Nhận định trên của Xuân Diệu đã thu tóm, khái quát được những tình cảm mà Nguyễn Đình Chiểu đối với nhân dân. Tấm lòng yêu nước thương dân trong ông chính là một đặc

Soạn bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc - Ngữ văn lớp 11

điểm nổi bật trong tâm hồn của ông. Đặc biệt khi viết về nhân dân, những con người lao động bình thường tác giả đã dùng cả sự trân trọng và nâng niu của mình đối với những nét tính cách đơn sơ, mộc mạc, bình dị của người dân lao động. Tác giả tìm thấy, khẳng định và ngợi ca những nét đẹp của họ. (nhân nghĩa, thủy chung,...)

Nguyễn Đình Chiểu không chỉ yêu thương, trân trọng những người nông dân lao động bình dị mà còn phát hiện những nét tính cách ngời sáng của họ khi đất nước cần. Họ là nông dân biết trân trọng và suy tư trước thời cuộc. Họ là những con người khi đất nước cần thì sẵn sàng hi sinh vì đất nước, sẵn sàng bảo vệ độc lập, tự do của dân tộc

PHẦN HAI: TÁC PHẨM

Câu 1: Đọc *Tiểu dẫn*, nắm những nét cơ bản về thể văn tế. Tìm bố cục của bài văn tế này.

Trả lời:

* Thể văn tế

- Khái niệm: Văn tế là loại văn gắn với tang lễ, bày tỏ lòng tiếc thương đối với người đã khuất.

- Đặc điểm của thể văn tế: Gồm 2 nội dung:

+ Kể lại cuộc đời, công đức, phẩm hạnh của người đã khuất.

+ Bày tỏ nỗi đau thương của người còn sống

- Âm hưởng: bi thương

- Giọng điệu: lâm li, thống thiết

- Viết theo nhiều thể: văn xuôi, lục bát, phú...

* Bố cục tác phẩm

- Đoạn 1: Từ đầu... "*vang như mõ*": (thích thực) khái quát bối cảnh thời đại và khẳng định cái chết bất tử của người chiến sĩ nông dân.

- Đoạn 2: Tiếp theo... "*tàu đồng súng nổ*": (thích thực): tái hiện hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân trong đời thường và trong chiến đấu chống giặc ngoại xâm.

- Đoạn 3: Tiếp theo ... "*ai cũng mộ*": (ai vãn): bày tỏ lòng thương tiếc, sự cảm phục của tác giả và nhân dân đối với người đã chết.

Soạn bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc - Ngữ văn lớp 11

- Đoạn 4: Còn lại (kết): ca ngợi linh hồn bất diệt của các nghĩa sĩ.

Câu 2: Hình ảnh người nông dân nghĩa sĩ được tái hiện trong bài văn tế như thế nào ? Theo anh (chị), cách miêu tả này đạt giá trị nghệ thuật cao ở những điểm nào ?

Trả lời:

*** Hình ảnh người nông dân nghĩa sĩ:**

- Họ là người nông dân nghèo khổ, hiền lành, chất phác quanh năm chỉ biết đến ruộng đồng.

- Khi có giặc tới, họ tự nhận thức trách nhiệm của mình: tự nguyện xung quân chiến đấu, quyết tâm đuổi giặc.

- Tinh thần chiến đấu dũng cảm dù vũ khí còn thô sơ.

=> Tinh thần xả thân của những người dân chân đất mang trọng trách và chí khí của những anh hùng thời đại.

*** Giá trị nghệ thuật của cách miêu tả hình ảnh người nông dân nghĩa sĩ ở trên:**

- Nghệ thuật xây dựng hình ảnh nhân vật: từ mộc mạc, giản dị, mang đậm màu sắc Nam Bộ.

- Ngôn ngữ góc cạnh, chính xác.

- Hình ảnh so sánh, sử dụng những động từ mạnh.

Câu 3. Tiếng khóc bi tráng của tác giả xuất phát từ nhiều nguồn cảm xúc. Theo anh (chị), đó là những cảm xúc gì ? Vì sao tiếng khóc đau thương này lại không hề bi lụy ?

Trả lời:

*** Đoạn 3** (Ai vãn) là tiếng khóc bi tráng của tác giả xuất phát từ nhiều nguồn cảm xúc, đó là:

- Nỗi xót thương đối với những người dân lao động

- Nỗi xót xa của những người nơi hậu phương, tiền tuyến

- Nỗi căm hận đối với những kẻ đã gây ra nghịch cảnh éo le

Soạn bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc - Ngữ văn lớp 11

* Đoạn thơ hiện lên với lời văn xót xa, bi thương nhưng không bi lụy. Bởi lẽ ngoài nỗi uất ức, nghẹn ngào, tiếc hận là nỗi căm hờn quân thù tội đồ. Tiếng khóc tràn đầy lòng tự hào, mèn phục, ngợi ca, tiếp nối ý chí, sự nghiệp dở dang của nghĩa sĩ. Họ lấy cái chết làm rạng ngời chân lí của thời đại.

Câu 4: Sức gợi cảm mạnh mẽ của bài văn tế chủ yếu là do những yếu tố nào ? Hãy phân tích một số câu tiêu biểu.

Trả lời:

Bài văn tế sở dĩ có được sức biểu cảm mạnh mẽ bởi nó được biểu hiện qua những câu thơ bộc lộ những cảm xúc chân thành, qua giọng điệu, hình ảnh sống động.

Và nó được thể hiện qua một số câu văn như:

Đau đớn bấy! Mẹ già ngời khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo lét trong lều; nỡ nùng thay! Vợ yếu chạy tìm chồng, con bóng xế dật dờ trước ngõ.

Luyện tập

Câu hỏi: Nói về quan niệm sống của ông cha ta thời kì đầu kháng chiến chống Pháp, giáo sư Trần Văn Giàu đã viết: *“Cái sống được ông cha ta quan niệm là không thể tách rời hai chữ nhục, vinh. Mà nhục hay vinh thì đánh giá theo thái độ chính trị đối với cuộc xâm lược của Tây: đánh Tây là vinh, theo Tây là nhục”*.

Anh (chị) hãy viết một đoạn văn phân tích những câu trong bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* để thể hiện đầy đủ, sâu sắc triết lý nhân sinh đó.

Gợi ý trả lời:

Triết lý nhân sinh đó được thể hiện một cách khá đầy đủ trong bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*. “đánh Tây là vinh, theo Tây là nhục”, trước hết “đánh Tây là vinh” được thể hiện qua câu *“Mười năm công vỡ ruộng, chưa ắt còn danh nổi như phao; một trận nghĩa đánh Tây, tuy là mất tiếng vang như mõ”*. Suốt cả mười năm làm ruộng vất vả nhưng chưa chắc đã được ai biết đến, đánh Tây một trận, tuy hy sinh nhưng tiếng thơm còn lưu truyền mãi nhiều đời.

“Thà thác mà đặng câu địch khái, về theo tổ phụ cũng vinh; còn hơn mà chịu chữ đầu Tây, ở với man di rất khổ” cái nhục khi theo Tây đó chính là sự chịu khổ của lũ man di, tàn độc và bóc lột, chúng chỉ dụ dỗ nhân dân ta để rồi sau đó lại trở thành nô lệ cho chúng. Câu văn *“Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu tỉnh chúng đều khen; thác mà ửng đình miếu để thờ, tiếng ngay trái muôn đời ai cũng mộ”* đó chính là cái vinh được hưởng sau này, dù có hy sinh nhưng tiếng thơm đồn sáu tỉnh, muôn đời, nhân dân lập miếu để thờ.